

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ Năm báo cáo: 2015

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0200511481
- Vốn điều lệ: 400.000.000.000VNĐ (Bốn trăm tỉ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 400.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
- Số điện thoại: 0313.769.992
- Số fax: 0313.769.992
- Website: dinhvuport.com.vn
- Mã cổ phiếu: DVP

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1 Việc thành lập.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ được thành lập theo Quyết định số 990/QĐ-TGD ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.

Ngày 19 tháng 12 năm 2002 Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Ngày 14/01/2003 Công ty Cổ phần đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ chính thức đi vào hoạt động. Từ năm 2002-2005 triển khai giai đoạn 1 xây dựng hệ thống cầu cảng, hệ thống kho tàng, bến bãi, đầu tư trang thiết bị, tuyển dụng, đào tạo CBCNV, hoàn thiện bộ máy tổ chức chuẩn bị cho việc đưa Cảng vào kinh doanh khai thác trong năm 2005.

2.2 Niêm yết.

Ngày 01 tháng 12 năm 2009 Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh theo Quyết định số 147/QĐ-SGDHCM ngày 24 tháng 11 năm 2009 theo nội dung sau:

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: DVP
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đ/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 40.000.000 cổ phiếu
- * Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 400.000.000.000đ

2.3 Các sự kiện khác.

Ngày 25/02/2005 Công ty được Cục Hàng Hải Việt nam cấp giấy phép đưa cầu cảng số 1 vào khai thác tại Quyết định số 87/QĐ CHHVN cho phép tàu có trọng tải 20.000 DWT ra vào khai thác. Cảng Đình vũ chính thức được đưa vào khai thác.

Ngày 13/06/2008 Công ty được Cục Hàng Hải Việt nam cấp giấy phép đưa cầu cảng số 2 vào khai thác tại Quyết định số 377/QĐ CHHVN cho phép tàu có trọng tải 20.000 DWT ra vào khai thác. Nâng tổng số chiều dài cầu lên 425m.

2.4 Thành tích đạt được trong năm 2015.

- Top 500 Doanh nghiệp phát triển nhanh nhất Việt nam do Báo Vietnamnet và Công ty Cổ phần đánh giá VNR xếp hạng
- Top 1000 Doanh nghiệp đóng thuế thu nhập cao nhất Việt nam do Tạp chí thuế Việt nam và Công ty Cổ phần đánh giá VNR xếp hạng.
- Top 50 Doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả nhất Việt nam “ Do Tạp chí Nhịp cầu Đầu tư và Công ty CP Chứng khoán Thiên Việt đánh giá xếp hạng.
- Top 50 Doanh nghiệp niêm yết hiệu quả nhất Do tạp chí Forbes Việt Nam xếp hạng.
- Lần thứ hai Cảng Đình Vũ được vinh danh trong Top100 Doanh nghiệp đạt danh hiệu Sao vàng Đất Việt.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1 Ngành nghề kinh doanh:

Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa. Kinh doanh kho, bãi. Dịch vụ đại lý vận tải và giao nhận hàng hóa. Dịch vụ xuất nhập khẩu. Vận tải hàng hóa đa phương thức. Dịch vụ hàng hải.

Khai thác - Kinh doanh vật liệu xây dựng và thi công san lấp mặt bằng. Dịch vụ kho vận, dịch vụ kho ngoại quan và dịch vụ hàng chuyển khẩu, quá cảnh.

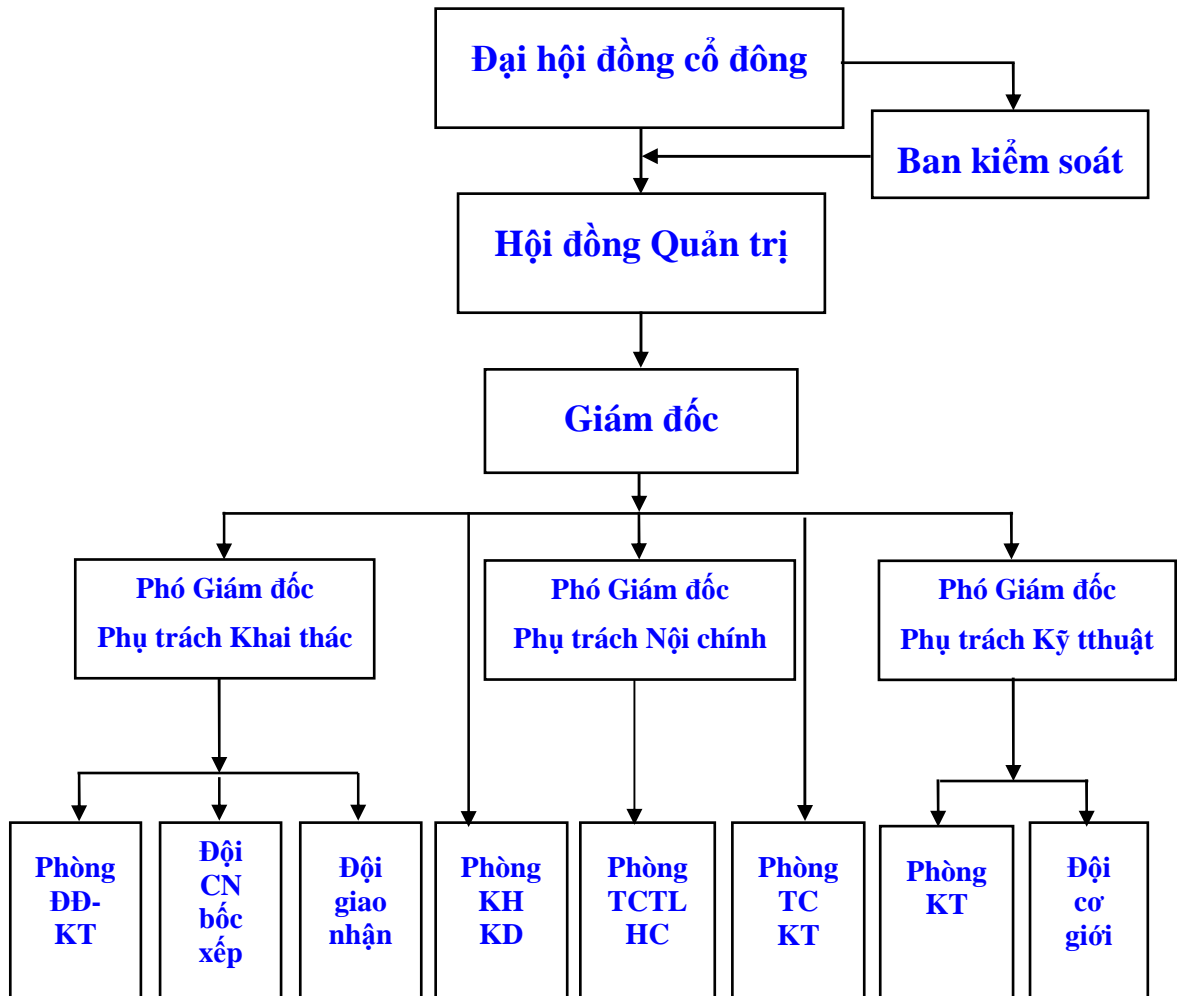
Mua bán và cho thuê các loại máy, thiết bị, phụ tùng, vật tư ngành khai thác cảng.

3.2 Địa bàn kinh doanh:

Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng.

4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý



4.2 Công ty liên kết

4.2.1 Công ty TNHH tiếp vận SITC-Đình Vũ

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải, Hải An, Hải Phòng.

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính:

- + Dịch vụ giao nhận
- + Đại lý tàu, giao thông vận tải đa phương thức
- + Vận tải đường bộ
- + Bãi container và kho

- + Container hàng hóa đóng gói, khai thác hàng CFS
- + Thai khác kho bãi và lưu trữ hàng hóa
- + Giao nhận vận tải bằng đường biển, đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không
- + Dịch vụ sửa chữa container
- + Dịch vụ hải quan
- Vốn điều lệ thực góp: 128.672.013.800 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ tại Công ty TNHH tiếp vận SITC-Đình Vũ: 51%

4.2.2 Công ty Cổ phần tiếp vận Đình Vũ

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng.
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính:
 - + Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
 - + Bốc xếp hàng hóa
 - + Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy
 - + Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
 - + Vận tải hàng hóa đường sắt, đường bộ, đường thủy nội địa, ven biển và viễn dương
- Vốn điều lệ thực góp: 13.680.000.000 VNĐ
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ tại Công ty Cổ phần tiếp vận Đình Vũ Logictics: 45,6%

5. Định hướng và phát triển

5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Công ty được thành lập để huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn cho hoạt động đầu tư, kinh doanh các dịch vụ hàng hải và các lĩnh vực khác nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng cổ tức cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Đa dạng hóa ngành, nghề kinh doanh, mở rộng thị trường trong và ngoài nước, nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty nhằm xây dựng và phát triển

Công ty có tiềm lực kinh tế mạnh và trở thành một Cảng container chuyên nghiệp và hiện đại trong khu vực.

5.2 Chiến lược phát triển trung dài hạn.

Chiến lược phát triển của Công ty thông qua 2 hướng chủ yếu:

*** Phát triển theo chiều sâu:**

Công ty tiếp tục đầu tư trang thiết bị hiện đại, cơ sở hạ tầng, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, áp dụng hệ thống công nghệ thông tin tiên tiến trong quản lý và khai thác cảng, hướng tới mục tiêu trở thành Cảng xếp dỡ container chuyên nghiệp và hiện đại.

*** Phát triển theo chiều rộng:**

Để tận dụng tối đa nguồn lực và các lợi thế nhằm tăng lợi nhuận, Công ty mở rộng phạm vi kinh doanh, phát triển các ngành nghề liên quan đến hoạt động của cảng như:

Tiếp tục đầu tư góp vốn vào Công ty liên doanh SITC-Dinhvu Logistics và công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ.

Hợp tác với các đối tác chiến lược tiến hành nghiên cứu khả thi của dự án liên doanh đầu tư, phát triển cảng ra khu vực phía ngoài.

Đầu tư, xây dựng, kinh doanh khai thác cảng biển.

5.3 Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Cam kết áp dụng và duy trì có hiệu quả Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO14001:2004. Xây dựng một cảng container chuyên nghiệp, hiện đại, xanh, sạch, đẹp. Tuân thủ các quy định về môi trường theo luật định, sử dụng tiết kiệm các nguồn tài nguyên (điện, nước, nguyên nhiên vật liệu...).

Cảng Đình Vũ cam kết tích cực tham gia các hoạt động vì cộng đồng, ủng hộ các hoạt động từ thiện, chia sẻ và giúp đỡ những khó khăn với cộng đồng (trẻ em chất độc màu da cam, trẻ em khuyết tật, người già không nơi nương tựa, Hội người mù...)

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2015

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015:

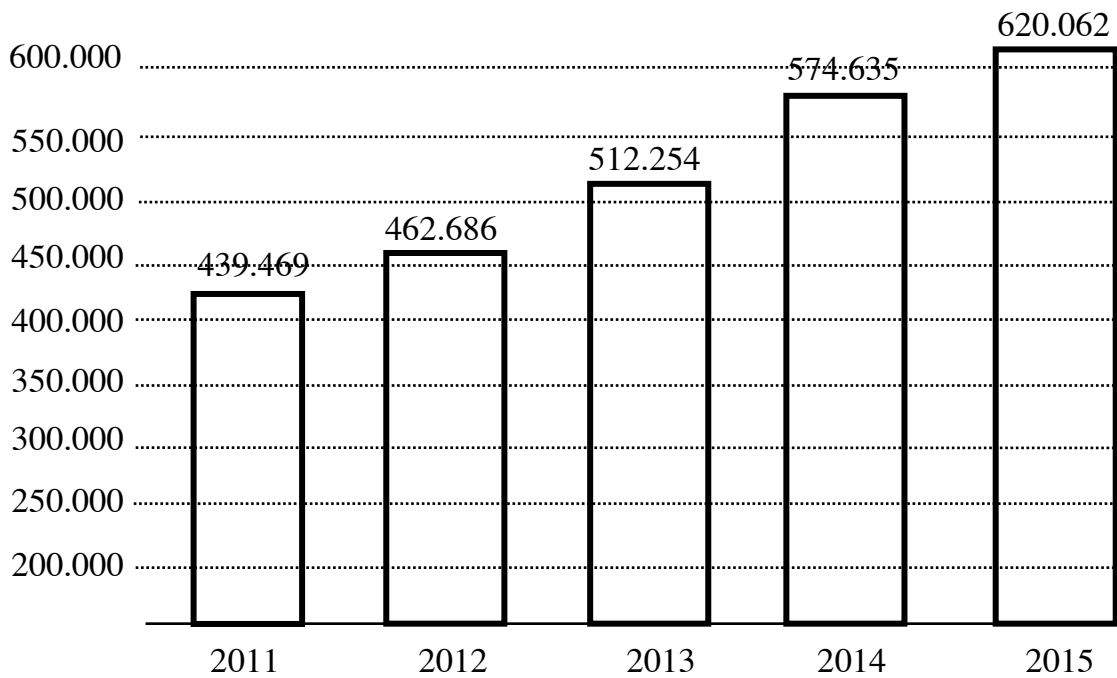
Sản lượng: 620.062 teu đạt 105,45% kế hoạch năm 2015, tăng 7,9% so với năm 2014.

Doanh thu: 700,802 tỉ đồng đạt 121,35% kế hoạch năm 2015, tăng 20,96% so với năm 2014.

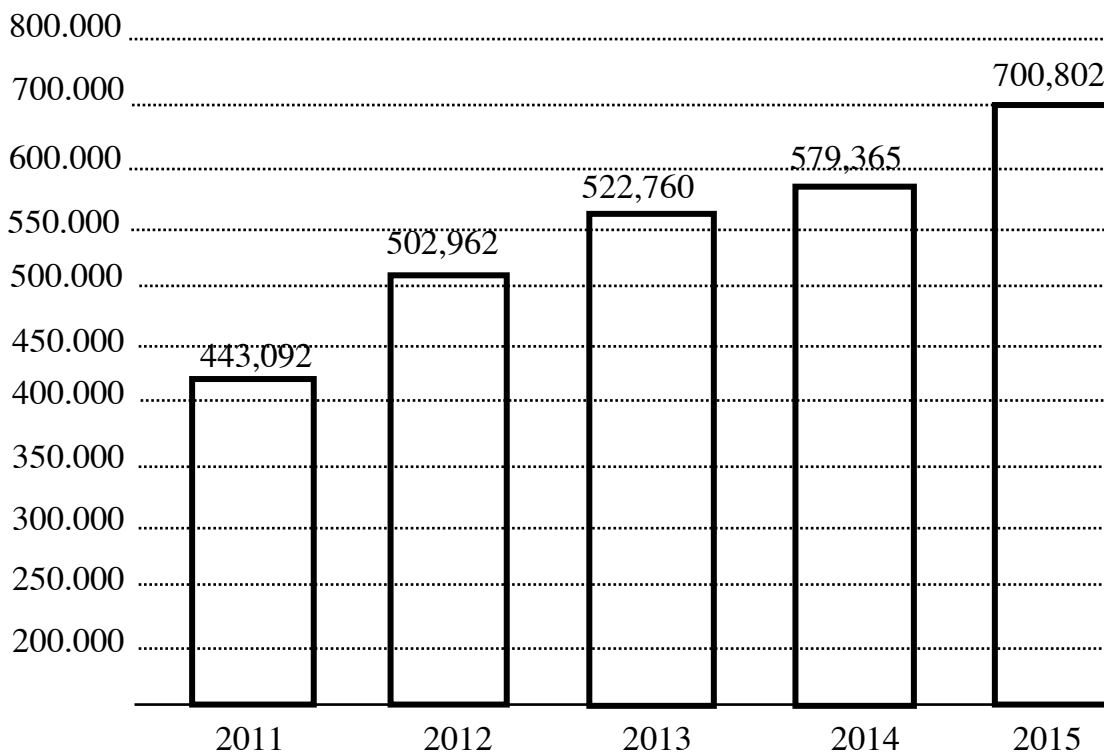
Lợi nhuận trước thuế: 310,551 tỉ đồng đạt 134,43% kế hoạch năm 2015, tăng 28,15% so với năm 2014.

1.2 Tình hình hoạt động từ năm 2010 – 2014: Từ năm 2011 – 2015

Công ty luôn tăng trưởng mạnh mẽ về sản lượng và doanh thu, cụ thể:



Biểu đồ xếp dỡ container 2011-2015 (ĐVT: teus)



Biểu đồ doanh thu 2011-2015 (ĐVT: triệu đồng)

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành:

2.1.1 Tổng Giám đốc Công ty: Ông Nguyễn Ngọc Hồng

Sinh ngày 16/06/1957. Dân tộc Kinh. Quốc tịch: Việt nam

Trình độ chuyên môn: Đại học hàng hải-Kỹ sư máy xếp dỡ

Quá trình công tác:

01/1982-03/1993: Cán bộ chỉ đạo Cảng Hải phòng

04/1993-12/1998: Đội trưởng Đội hàng rời –XNXD Hoàng Diệu-
Cảng Hải phòng

01/1999-11/2005: Phó Giám đốc XNXD Hoàng Diệu- Cảng Hải
phòng

12/2005-Nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát
triển Cảng Đình vũ

Số Cổ phiếu DVP: 21.400 cổ phiếu tương ứng 0,0535% vốn điều
lệ.

2.1.2 Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khai thác –Kinh doanh: Ông Lê Thành Đở

Sinh ngày 27/08/1960. Dân tộc Kinh. Quốc tịch: Việt nam

Trình độ chuyên môn: Đại học hàng hải-Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Quá trình công tác:

03/1978- 03/1983: Bộ đội Biên phòng

04/1983- 06/1995: Cán bộ - Công ty Đại lý hàng hải Hải phòng
(Vosa Hải phòng)

07/1995-04/2001: Cán bộ - Công ty Đại lý vận tải quốc tế phía bắc

05/2001- 04/2004:Phó phòng Đại lý - Công ty Đại lý vận tải quốc
tế phía bắc

04/2006- 05/2008:Trưởng phòng Khai thác Kinh doanh- Công ty
Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình vũ

06/2008- Nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và
Phát triển Cảng Đình vũ

Số Cổ phiếu DVP: 10.144 cổ phiếu tương ứng 0,025% vốn điều lệ.

2.1.3 Phó Tổng Giám đốc phụ trách kỹ thuật: Ông Cao Văn Tĩnh

Sinh ngày 23/05/1969. Dân tộc Kinh. Quốc tịch: Việt nam

Trình độ chuyên môn: Đại học hàng hải-Kỹ sư máy xếp dỡ

Đại học Bách khoa- Kỹ sư QTDN

Quá trình công tác:

09/1986-12/1989: Học trường sỹ quan kỹ thuật vũ khí đạn

01/1990- 01/1992: Trung úy- Đại đội trưởng đại đội bảo quản kho KV2- Cục vũ khí
 08/1990- 07/1997: Học trường Đại học Hàng hải
 06/1998- 05/1999: Cán bộ kỹ thuật- Xí nghiệp xếp dỡ container/ Cảng Hải phòng
 05/1999- 08/2004: Cán bộ thuật, trưởng phòng kỹ thuật Công ty CP dịch vụ kỹ thuật/ Cảng Hải phòng
 09/2004- 2/2009: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình vũ
 2/2009- Nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình vũ
 Số Cổ phiếu DVP: 3.600 cổ phiếu tương ứng 0,009% vốn điều lệ.

2.1.4 Phó Tổng Giám đốc phụ trách nội chính: Ông Nguyễn Hanh Thông

Sinh ngày 11/10/1956. Dân tộc Kinh. Quốc tịch: Việt nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế công nghiệp

Quá trình công tác:

1973-1980 Cán bộ Sở xây dựng Hải phòng

1981-1990: Cán bộ Tổ chức Tiền lương Xí nghiệp Xếp dỡ vận tải thuỷ Cảng Hải Phòng

1991 -2003: Trưởng ban Tổ chức Tiền lương XN Xếp dỡ vận tải thuỷ Cảng Hải Phòng

2003-2005: Chuyên viên Phòng Tổ chức Tiền lương Cảng Hải Phòng

2006-10/2010: Trưởng Phòng Tổ chức Tiền lương Cty CP Đầu tư & Phát triển Cảng Đình Vũ

11/2010 – nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP đầu tư & Phát triển Cảng Đình Vũ

Số Cổ phiếu DVP: 3.600 cổ phiếu tương ứng 0,009% vốn điều lệ.

2.1.5 Kế toán trưởng: Ông Đoàn Minh Trung

Sinh ngày 10/07/1971. Dân tộc Kinh. Quốc tịch: Việt nam

Trình độ chuyên môn:

Đại học kế toán tài chính- cử nhân kế toán tài chính thương mại.

Quá trình công tác:

10/1992-03/1993: Nhân viên kế toán Cảng Hải phòng

04/1993- 12/1994: Nhân viên kế toán – Xí nghiệp II/Cảng Hải phòng

01/1995- 09/1997: Nhân viên kế toán – Xí nghiệp Container/Cảng Hải phòng

10/1997- 01/2003: Chuyên viên phòng kế toán- Cảng Hải phòng

02/2003- Nay: Kế toán trưởng, trưởng phòng Tài chính kế toán- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình vũ

Số Cổ phiếu DVP: 60.000 cổ phiếu tương ứng 0,15% vốn điều lệ.

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành: Trong năm 2015 Ban điều hành Công ty không có sự thay đổi nào. Công ty đã bổ nhiệm lại hai (02) Phó tổng giám đốc và đã thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật chứng khoán.

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên: 430 (tính đến 31/12/2015)

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1 Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

Trong năm 2015, Hội đồng quản trị chỉ đạo ban điều hành thực hiện công tác đầu tư theo đúng Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 và một số Nghị quyết khác của HĐQT đảm bảo và kịp thời cho sản xuất, tuân thủ các quy định về đầu tư của Pháp luật, Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật khác hiện hành. Cụ thể:

- Đã nghiệm thu; bàn giao và đưa vào sử dụng Nhà chờ công nhân.
- Đã nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng 02 ô tô đầu kéo và 08 sơ mi rơ mooc chuyên dụng.

*** Các gói thầu đang thực hiện:**

- Thực hiện tiếp gói thầu đầu tư 01 cần trục chân đế 45T: Đang trong giai đoạn lắp ráp tại Cảng Đình Vũ. Dự kiến đầu tháng 4/2016 sẽ nghiệm thu và bàn giao.
- Thực hiện tiếp gói thầu xây dựng nhà điều hành 5 tầng. Dự kiến tháng 5/2016 sẽ hoàn thành.
- Thực hiện tiếp gói thầu nâng cấp đế 4: Đang trong giai đoạn thực hiện hợp đồng.
- Gói thầu đầu tư 04 RTG – giai đoạn 2: phần xây dựng đang trong giai đoạn thiết kế và phần thiết bị đang trong giai đoạn lập Hồ sơ mời thầu.

* Tổng mức đầu tư đã được thông qua năm 2015 là: 143,05 tỉ đồng, Công ty đã thực hiện giải ngân 63,29 tỉ đồng.

3.2 Các hạng mục đầu tư năm 2016:

3.2.1 Tiếp tục thực hiện các hạng mục đầu tư đã được thông qua năm 2015 chuyển sang thực hiện tiếp trong năm 2016:

- Gói thầu xây dựng trụ sở văn phòng Công ty.
- Gói thầu đầu tư 01 cần trục chân đế quay 45 tấn.
- Đầu tư 04 cần trục RTG giai đoạn 2 (thiết bị + bãi + điện bãi).
- Gói thầu nâng cấp đế 4.

3.2.2 Các hạng mục đầu tư mới trong năm 2016:

- Đầu tư 10 đầu kéo container chuyên dụng chở container trong cảng.
- Đầu tư phần mềm quản lý nhân sự và tiền lương.

* Căn cứ vào các hạng mục và kế hoạch đầu tư, tổng nguồn vốn đầu tư trong năm 2016 dự kiến khoảng 134 tỉ đồng.

3.3 Các Công ty liên kết, cổ phần

3.3.1 Công ty liên kết: Công ty TNHH tiếp vận SITC-DinhVu Logistics:

Bắt đầu hoạt động từ Quý IV/2011

* ***Kết quả SXKD 2015:***

+ Doanh thu: 160.143.486.456 đồng tăng 39,24% so với năm 2014

+ Lợi nhuận trước thuế: 42.188.910.811 đồng tăng 20,36% so với năm 2014

* ***Tình hình tài chính:***

Tổng tài sản tính đến 31/12/2015: 337.474.942.217 đồng tăng 0,86 so với năm 2014

Tổng nợ phải trả tính đến 31/12/2015: 15.780.807.641 đồng giảm 18,20% so với năm 2014

Nguồn vốn chủ sở hữu tính đến 31/12/2015: 320.694.134.576 đồng tăng 2,11% so với năm 2014.

3.3.2 Công ty Cổ phần: Công ty Cổ phần tiếp vận Đình Vũ Logistics:

Bắt đầu hoạt động từ Quý I/2012

* ***Kết quả SXKD 2015:***

+ Doanh thu: 78.659.712.711 đồng tăng 54,2% so với kế hoạch năm 2015 và tăng 95,8% so với năm 2014

+ Lợi nhuận trước thuế: 12.306.467.318 đồng tăng 33,7% so với kế hoạch năm 2015 và tăng 98,8% so với năm 2014

*** Tình hình tài chính:**

Tổng tài sản tính đến 31/12/2015: 55.520.122.025 đồng tăng 15% so với năm 2014

Tổng nợ phải trả tính đến 31/12/2015: 13.165.664.417 đồng tăng 125% so với năm 2014

Nguồn vốn chủ sở hữu tính đến 31/12/2015: 42.354.457.608 đồng không tăng so với năm 2014.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	975.870.208.781	1.115.277.845.928	14,28
Doanh thu thuần	541.640.446.824	652.048.118.390	20,38
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	241.236.485.165	309.510.071.506	28,30
Lợi nhuận khác	1.084.445.382	1.041.740.908	(3,93)
Lợi nhuận trước thuế	242.320.930.547	310.551.812.414	28,15
Lợi nhuận sau thuế	227.952.552.120	281.089.358.387	23,31
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	5.703	7.027	

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
TSLĐ/Nợ ngắn hạn:	5,84	5,79	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
(TSLĐ –Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn:	5,70	5,71	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản:	0,18	0,16	

+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu:	0,21	0,19	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân:	27,12	32,71	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản:	0,56	0,58	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần:	0,42	0,43	
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu:	0,28	0,30	
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản:	0,23	0,25	
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần:	0,45	0,47	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 40.000.000 cổ phần

Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông

b. Cơ cấu cổ đông:

* Cổ đông trong nước:

- Cổ đông cá nhân: 589 cổ đông tương ứng với 3.622.518 cổ phần, chiếm 9,06%.

- Cổ đông là tổ chức: 14 cổ đông tương ứng với 30.352.742 cổ phần, chiếm 75,88%.

* Cổ đông nước ngoài:

- Cổ đông cá nhân: 35 cổ đông tương ứng với 151.670 cổ phần, chiếm 0,38%.

- Cổ đông là tổ chức: 19 cổ đông tương ứng với 5.873.070 cổ phần, chiếm 14,68%.

(Số liệu theo Danh sách chốt ngày 31/12/2015 của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam)

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. *Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015.*

Năm 2015, trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp. Giá dầu thô giảm sâu, đồng Nhân dân tệ mất giá, một số nền kinh tế lớn suy giảm tăng trưởng, đặc biệt là tình hình căng thẳng gay gắt ở biển Đông... đã tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội của đất nước cũng như gây ảnh hưởng rất lớn đến thị trường vận tải trong khu vực.

Sự ra đời của một số cảng tư nhân được thành lập cùng với chính sách giảm giá, tranh giành khách hàng dẫn đến cạnh tranh gay gắt trong khu vực.

Tuy nhiên, trong năm 2015, được sự quan tâm của các cơ quan quản lý Nhà nước cộng với sự ủng hộ của các đối tác, khách hàng truyền thống, được chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị đã tạo điều kiện thuận lợi để Công ty vượt qua khó khăn thách thức.

Theo đà phát triển những năm qua, năm 2015 với những cố gắng vượt bậc của CBCNV trong khắc phục khó khăn và tận dụng những thuận lợi, lợi thế, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ đã đạt tăng trưởng ổn định, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra về sản lượng, doanh thu và lợi nhuận.

Cùng với việc chú trọng đầu tư cho hoạt động SXKD, cải tiến phương pháp quản lý và phục vụ khách hàng, mở rộng thị trường, Cảng Đình Vũ đã không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ. Đồng thời, khẳng định được uy tín và thương hiệu đối với các khách hàng trong nước và quốc tế.

Phát huy những thành tích đã đạt được trong năm 2014, kết hợp với các yếu tố tích cực như: Nguồn tài chính tốt, trật tự kỷ luật lao động được giữ vững, kinh nghiệm và tinh thần làm việc của CBCNV, đặc biệt là duy trì và phát triển tốt các mối quan hệ bền vững với các đối tác, bạn hàng, Cảng Đình Vũ vẫn giữ được lượng hàng ổn định và tăng trưởng đều trong cả năm 2015 và vững bước phát triển.

1.1 **Tình hình quản lý, sản xuất kinh doanh.**

Công tác điều hành sản xuất: Tăng cường công tác chỉ huy, điều hành sản xuất, kiểm tra giám sát hiện trường, kịp thời chỉ đạo các tình huống khó khăn, đảm bảo thực hiện đúng kế hoạch sản xuất. Duy trì kỷ luật lao động, tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện nội quy an toàn lao động, quy trình xếp dỡ.

Phối hợp chặt chẽ với các hãng tàu và hai cảng tiếp giáp trong việc điều tiết khai thác tàu hợp lý nhất, tận dụng khai thác tối đa cầu bến để tiếp nhận và tổ chức sản xuất tốt, giải phóng tàu đúng tiến độ, giữ vững và nâng cao được chất lượng dịch vụ.

Công tác giao nhận: Luôn chú trọng quy trình giao nhận, quản lý hàng hoá, nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng và đáp ứng được yêu cầu của các Hãng tàu. Tổ chức quy hoạch lại hệ thống kho bãi phù hợp với thực tế, đảm bảo hệ số chất xếp cao nhất.

Trong năm 2015, tình trạng hàng tồn đọng trên 90 ngày chưa được cải thiện nhiều. Do lượng hàng hóa nhập khẩu tăng; một số chính sách luật về hành hóa tồn đọng còn vướng mắc nhiều, chưa giải quyết được.

Công tác kiểm tra, duy tu bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị luôn được thực hiện nghiêm ngặt, đúng quy trình, khắc phục kịp thời các sự cố thiết bị xảy ra để đảm bảo đáp ứng kịp thời cho sản xuất, kéo dài tuổi thọ tài sản.

Tăng cường công tác tiếp thị, theo dõi sát tình hình biến động của thị trường và chủ động có những chính sách điều chỉnh hợp lý, kịp thời trong SXKD trước tình hình cạnh tranh cực kỳ gay gắt của thị trường trong khu vực. Đồng thời không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ và xây dựng thương hiệu để giữ vững và mở rộng thị phần.

Thực hiện tốt chính sách chăm sóc khách hàng, tổ chức thành công các chương trình tiếp xúc để tăng cường thắt chặt mối quan hệ gắn bó với khách hàng. Qua đó đã đạt được những kết quả tốt và tiếp tục nhận được sự ủng hộ của khách hàng truyền thống, thu hút thêm sản lượng hàng hóa về cho Công ty.

Công tác an ninh - bảo vệ: Tăng cường công tác giám sát chỉ đạo các chốt bảo vệ thực hiện nhiệm vụ tuần tra kiểm soát. Phối hợp chặt chẽ các lực lượng hữu quan, nâng cao tinh thần trách nhiệm toàn công ty đảm bảo tốt công tác trật tự an ninh và bảo vệ tài sản, hàng hoá trong toàn khu vực Cảng.

Làm tốt công tác ATLĐ, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ. Tổ chức huấn luyện và thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở về ATLĐ. Trang bị đầy đủ BHLĐ, tạo môi trường và điều kiện làm việc thuận lợi cho người lao động, không có vụ tai nạn lao động nghiêm trọng nào xảy ra.

Tăng cường công tác quản lý: Duy trì thực hiện quản lý chất lượng toàn diện theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2008 và áp dụng hiệu quả Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO14001:2004 tại Công ty. Tiếp tục tổ chức, cải tiến thực hiện các quy chế quản lý trong các lĩnh vực, đặc biệt quan tâm đến các chi phí chính như: điện, nước, nguyên, nhiên vật liệu, kiểm soát công tác thu/chi...

Công tác tổ chức, tiền lương và chăm lo đời sống cho CBCNV được quan tâm sát sao, đảm bảo đời sống vật chất tinh thần và thu nhập cho người lao động: - Thu nhập bình quân trên 16 triệu đồng/ người / tháng. Công đoàn công ty thường xuyên tổ chức tham quan du lịch và các hoạt động văn hóa thể dục thể thao, nữ công... tạo động lực và tâm lý phấn khởi cho CBCNV, khuyến khích tinh thần làm việc gắn bó với Công ty, nâng cao trách nhiệm trong công việc của CBCNV.

Công tác đào tạo nâng cao trình độ cho CBCNV được quan tâm và trú trọng. Thường xuyên tổ chức và cử các CBCNV trong Công ty theo học các lớp nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nhằm đáp ứng ngày càng cao nhu cầu phát triển của Công ty.

1.2 Các chỉ tiêu kinh tế:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2015	So sánh 2014 (%)	So sánh kế hoạch 2015 (%)
1	Sản lượng	Teus	620,062	107,90	105,45
2	Tổng Doanh thu	1.000 VNĐ	700.802.000	120,96	121,35
3	Lợi nhuận trước thuế	1.000 VNĐ	310.551.000	128,15	134,43

1.3 Các danh hiệu được vinh danh cho Cảng Đình Vũ trong năm 2015:

Năm 2015 Cảng Đình Vũ lần thứ 4 liên tiếp được vinh danh trong Top 1000 Doanh nghiệp đóng thuế thu nhập cao nhất Việt nam do Công ty Cổ phần Báo cáo đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) phối hợp với Báo VietnamNet và Tạp chí Thuế (Tổng cục Thuế) bình chọn. Đây là năm thứ 5 liên tiếp Cảng Đình Vũ được vinh dự đón nhận danh hiệu này.

Cũng trong năm 2015, Cảng Đình Vũ lần thứ 3 liên tiếp đạt danh hiệu Top 50 Doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả nhất trên thị trường Chứng khoán Việt Nam. (Danh hiệu do Tạp chí Nhịp cầu đầu tư bình chọn).

Năm 2015 là lần thứ 5 liên tiếp Cảng Đình vũ được vinh danh trong Top 500 Doanh nghiệp phát triển nhanh nhất Việt nam và Top 50 doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc. (Giải thưởng do Công ty cổ phần Báo cáo đánh giá Việt Nam kết hợp cùng Báo điện tử Vietnam Net bình chọn).

Đặc biệt, năm 2015, Cảng Đình Vũ lần thứ 2 liên tiếp được Tạp chí Fobes Việt Nam đánh giá xếp hạng là một trong 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam.

Năm 2015, lần thứ 2 Cảng Đình Vũ được vinh danh trong Top 100 doanh nghiệp đạt giải thưởng Sao vàng đất Việt. (Giải thưởng do Hội doanh nghiệp trẻ Việt Nam bình chọn).

2. Tình hình tài chính

a. *Tình hình tài sản:*

Tổng tài sản tính đến 31/12/2015: 1.115.277.845.928 đồng, tăng 11,41% phần trăm so với năm 2014. Trong đó:

Tài sản ngắn hạn: 671.332.972.664 đồng tăng 54,26% so với năm 2014

Tài sản dài hạn: 443.944.873.264 đồng giảm 18,06% so với năm 2014

Vốn chủ sở hữu tính đến 31/12/2015: 939.171.278.637 tăng 16,94% so với năm 2014.

b. *Tình hình nợ phải trả*

Tổng nợ phải trả tính đến 31/12/2015: 176.106.567.291 đồng tăng 1,26% so với năm 2014, trong đó:

Nợ ngắn hạn: 115.844.592.291 đồng tăng 39,45% so với năm 2014

Nợ dài hạn: 60.261.975.000 đồng giảm 33,66% so với năm 2014

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công ty tập trung nâng cao năng lực điều hành sản xuất; nâng cao chất lượng dịch vụ, năng lực xếp dỡ; quy hoạch bãi chứa container khoa học, hợp lý; các hạng mục đầu tư trọng điểm kịp thời để đưa vào sử dụng, khai thác đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty; tăng tốc độ giải phóng tàu tại cảng; tăng cường công tác tiếp thị, mở rộng thị trường nhằm giữ và ổn định nguồn hàng, mở rộng loại hình kinh doanh, đầu tư mới phù hợp.

Đặc biệt chú trọng đến công tác thu nhận và xử lý thông tin của khách hàng nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ. Tăng cường công tác tiếp thị mở rộng khách hàng, bám sát thị trường, đảm bảo duy trì tốt các hoạt động sản xuất chính của Công ty ổn định.

Công ty chú trọng phát triển nguồn lực con người, đào tạo và quy hoạch cán bộ nhân sự chủ chốt đủ năng lực tiếp nhận chuyển giao công nghệ cao trong thời gian ngắn nhất để tiết kiệm chi phí, đạt hiệu quả nhằm tạo ra nguồn lao động có tính kế thừa, đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển của Công ty.

Toàn thể CBCNV Công ty nêu cao tinh thần đoàn kết, nhất trí, gắn bó quyết tâm xây dựng Công ty ngày một phát triển bền vững, trở thành Cảng container chuyên nghiệp và hiện đại trong khu vực. Lấy chất lượng dịch vụ

khách hàng và tác phong làm việc chuyên nghiệp làm sự khác biệt để nhận diện thương hiệu Cảng Đình Vũ.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Tiếp tục phát triển Công ty thành một Cảng container chuyên nghiệp và hiện đại trong khu vực lấy chất lượng dịch vụ và tác phong chuyên nghiệp là tiêu chí để khẳng định thương hiệu Cảng Đình Vũ.
- Đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.
- Đầu tư và hỗ trợ các công ty liên danh và cổ phần phát triển mạnh mẽ và hiệu quả hơn nữa, nhằm tối đa hóa lợi nhuận, đảm bảo lợi ích gia tăng cho cổ đông.
- Mở rộng một số lĩnh vực kinh doanh phù hợp với năng lực và lợi thế của Công ty nhằm tăng doanh thu và tối đa hóa lợi nhuận.
- Mở rộng thị trường; có chiến lược chăm sóc, gắn kết với khách hàng.
- Chú trọng công tác đào tạo và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm kế thừa và nắm bắt, tiếp nhận chuyển giao các thiết bị công nghệ hiện đại.

Tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị hiện đại cho hoạt động kinh doanh khai thác cảng, tăng năng suất xếp dỡ và chất lượng phục vụ khách hàng.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán: Được ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Với sự chỉ đạo và định hướng tốt của Hội đồng quản trị; sự năng động, nhạy bén và tận dụng thời cơ, cơ hội của Ban điều hành; tinh thần lao động khẩn trương của đội ngũ CBCNV Công ty, năm 2015 Công ty đã hoàn thành vượt mức các kế hoạch năm 2015.

Tăng cường sự quản lý của ban điều hành với các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; kiểm soát chặt chẽ các nguồn thu chi, có biện pháp tiết kiệm, giảm chi phí, nâng cao hiệu quả SXKD; đầu tư theo hướng hiện đại các thiết bị, tính chuyên môn hóa cao, tạo sự phát triển ổn định lâu dài làm tiền đề để phát triển các dịch vụ sau cảng nhằm tăng cường năng lực khai thác cảng và nâng cao chất lượng dịch vụ.

Hội đồng quản trị luôn bám sát Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ và các quy định khác của pháp luật có liên quan để điều hành, chỉ đạo Ban điều hành trong các hoạt động tổ chức sản xuất kinh doanh, đầu tư và mở rộng sản xuất.

Trong năm, Hội đồng quản trị đã thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị Công ty cũng đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định; phê duyệt các Nghị quyết, quyết định các phương án đầu tư, quyết toán các dự án đầu tư và các vấn đề thuộc thẩm quyền theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Trong năm 2015 Hội đồng quản trị Công ty đã nhận được đơn xin từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của Ông Phạm Hồng Minh đồng thời ra Nghị quyết về việc đồng ý đơn xin từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của Ông Phạm Hồng Minh và Nghị quyết bổ nhiệm bổ sung một (01) thành viên Hội đồng quản trị đảm bảo cơ cấu Hội đồng quản trị theo Điều lệ Công ty, giúp Hội đồng quản trị thực hiện tốt vai trò và nhiệm vụ.

Cũng trong năm 2015, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện bổ nhiệm lại hai (02) Phó tổng giám đốc, đảm bảo mô hình quản lý tổ chức, ổn định sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò giám sát và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc, phối hợp giúp Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo điều hành tốt công tác sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao trong bối cảnh nền kinh tế thế giới và trong nước còn gặp nhiều khó khăn và thử thách.

Năm 2015, Hội đồng quản trị đã thường xuyên tổ chức họp định kỳ, họp đột xuất, tổng kết từng quý để thực hiện đúng chức năng, chỉ đạo kịp thời cho công tác đầu tư, sản xuất kinh doanh. Cùng với kiểm tra thực tế, HĐQT đã bám sát tình hình SXKD, công tác đầu tư để có những biện pháp điều chỉnh, chỉ đạo kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả SXKD, đảm bảo thực hiện chặt chẽ các bước thủ tục đầu tư đồng thời tăng cường công tác quản lý mọi mặt các hoạt động của Công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị đánh giá cao sự cố gắng, nỗ lực và nhạy bén của Ban Tổng giám đốc. Trong bối cảnh thị trường hàng hóa có sự cạnh tranh khốc liệt, một số cảng mới ra đời, các doanh nghiệp vận tải biển vẫn còn gặp nhiều khó khăn, luồng vào cảng và trục giao thông bộ còn nhiều hạn chế... nhưng Ban Tổng giám đốc đã bám sát thị trường, chú trọng công tác chăm sóc khách hàng và nâng cao chất lượng dịch vụ, điều hành Công ty hoàn thành xuất sắc và vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015.

Tuân thủ và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, các quy định của pháp luật có liên quan; theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty; theo Quy chế quản trị Công ty. Thực hiện tốt các chức năng trong quản trị, điều hành công ty.

Công tác quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh đã bám sát Nghị quyết đại hội cổ đông 2015, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty, các quy chế quản lý tài chính, tiền lương... và các văn bản pháp luật liên quan hiện hành.

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản kịp thời, đúng tiến độ và kế hoạch đề ra, thực hiện quy trình đầu tư đúng thẩm quyền, đúng quy định, đúng luật... đảm bảo thiết bị đầu tư hiện đại, mang tính chuyên môn hóa cao về công nghệ, hiệu quả khai thác, tiết kiệm tối đa nguồn vốn đầu tư đã được phê duyệt.

Trong Ban Tổng giám đốc có Tổng giám đốc là thành viên Hội đồng quản trị nên công tác thu thập, tiếp nhận thông tin từ Hội đồng quản trị được kịp thời và giải quyết nhanh chóng.

Công tác báo cáo định kỳ của Ban Tổng giám đốc đã giúp Hội đồng quản trị xử lý và chỉ đạo kịp thời trong công tác chỉ đạo và hoạch định chiến lược sản xuất kinh doanh.

Chủ tịch HĐQT, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất công tác thực hiện các nghị quyết của Đại hội cổ đông và của HĐQT, thực hiện các quy chế quản trị, quy chế tài chính và các quy chế khác của Công ty từ đó có những biện pháp kịp thời chấn chỉnh, rút kinh nghiệm khi phát hiện sai sót.

Yêu cầu Tổng Giám đốc thực hiện xin ý kiến bằng văn bản với các công tác đầu tư, tài chính, cơ cấu tổ chức và bổ nhiệm cán bộ trong thẩm quyền cho phép.

Các dự án đã được đầu tư trong năm 2015 phù hợp với kế hoạch và tuân thủ các quy định về đấu thầu, đầu tư mua sắm thiết bị của Công ty và pháp luật hiện hành, không để xảy ra tình trạng lãng phí và thất thoát vốn đầu tư. Công ty tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo mối quan hệ tốt và bền vững với khách hàng cũ, tích cực tìm kiếm khách hàng mới nhằm đảm bảo duy trì hiệu suất hoạt động cho các phương tiện xếp dỡ.

Công ty quan tâm đến chất lượng lao động, làm tốt công tác đào tạo, thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng được yêu cầu công việc và sử dụng được các thiết bị tiên tiến, hiện đại.

Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty đã phản ánh đầy đủ, hợp lý tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đúng theo các chuẩn mực kế toán do Bộ tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty đã được thể hiện kiểm toán theo quy định. Công ty TNHH kiểm toán UHY đã được lựa chọn thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty.

Trong công tác quản trị tài chính, Công ty đã tuân thủ các quy định về quản lý vốn và quy chế quản lý tài chính.

Bên cạnh công tác sản xuất kinh doanh, công ty thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, tham gia tài trợ và hỗ trợ cho các chương trình từ thiện... Tổ chức cho đội ngũ CBCNV Công ty đi thăm quan, du lịch, nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động nhằm động viên và tăng sự gắn kết, cống hiến của người lao động với Công ty.

Trong Ban Tổng Giám đốc có Tổng Giám đốc là thành viên Hội đồng quản trị nên công tác thu thập, tiếp nhận thông tin từ Hội đồng quản trị được kịp thời và giải quyết nhanh chóng.

Công tác báo cáo định kỳ của ban Tổng giám đốc đã giúp Hội đồng quản trị xử lý và chỉ đạo kịp thời trong công tác chỉ đạo và hoạch định chiến lược sản xuất kinh doanh.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tiếp tục phát triển Công ty thành một Cảng container chuyên nghiệp và hiện đại trong khu vực lấy chất lượng dịch vụ và tác phong chuyên nghiệp là tiêu chí để khẳng định thương hiệu Cảng Đình Vũ.

- Đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.
 - Đầu tư và hỗ trợ các công ty liên danh và cổ phần phát triển mạnh mẽ và hiệu quả hơn nữa, nhằm tối đa hóa lợi nhuận, đảm bảo lợi ích gia tăng cho cổ đông.
 - Mở rộng một số lĩnh vực kinh doanh phù hợp với năng lực và lợi thế của Công ty nhằm tăng doanh thu và tối đa hóa lợi nhuận.
 - Mở rộng thị trường; có chiến lược chăm sóc, gắn kết với khách hàng.
 - Chú trọng công tác đào tạo và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm kế thừa và nắm bắt, tiếp nhận chuyển giao các thiết bị công nghệ hiện đại.
- Tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị hiện đại cho hoạt động kinh doanh khai thác cảng, tăng năng suất xếp dỡ và chất lượng phục vụ khách hàng.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

a.1 Thành viên: 07 thành viên HĐQT

a.2 Cơ cấu:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 01
- Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị: 01
- Thành viên Hội đồng quản trị độc lập: 01
- Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp điều hành: 01
- Thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành: 05 (bao gồm cả Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng quản trị)

* Số lượng thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ thành viên Hội đồng quản trị tại các Công ty khác: 02 (đều nắm giữ chức danh chủ tịch Hội đồng quản trị của các công ty khác).

a.3 Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị: Ông Nguyễn Hùng Việt

- Đại diện phần vốn của Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hải Phòng với 16% vốn điều lệ tương đương 6.400.000 cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị: Ông Nguyễn Tiến Dũng

- Đại diện phần vốn góp của Công ty Cổ phần Vật tư Nông sản với 18,7% vốn điều lệ tương đương 7.480.000 cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Thành viên Hội đồng quản trị: Ông Nguyễn Ngọc Hồng

- Đại diện phần vốn của Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hải Phòng với 10% vốn điều lệ tương đương 4.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết.

- Số cổ phần sở hữu cá nhân 21.400 cổ phần có quyền biểu quyết, tương đương 0,0535% vốn điều lệ:

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết 4.021.400 cổ phần có quyền có quyền biểu quyết, tương đương 10,0535% vốn điều lệ.

4. Thành viên Hội đồng quản trị: Ông Chu Minh Hoàng

- Đại diện phần vốn của Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hải Phòng với 10% vốn điều lệ tương đương 4.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết.

5. Thành viên Hội đồng quản trị: Ông Bùi Chiến Thắng

- Đại diện phần vốn của Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hải Phòng với 10% vốn điều lệ tương đương 4.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết.

- Số cổ phần sở hữu cá nhân 31.000 cổ phần có quyền biểu quyết, tương đương 0,0775% vốn điều lệ.

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết 4.031.000 cổ phần có quyền có quyền biểu quyết, tương đương 10,0775% vốn điều lệ.

6. Thành viên Hội đồng quản trị: Bà Nguyễn Thị Phụng

- Đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Cảng Vật Cách với 2,2% vốn điều lệ tương đương 880.000 cổ phần có quyền biểu quyết.

7. Thành viên Hội đồng quản trị: Dương Thanh Bình

- Thành viên HĐQT độc lập.

c. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị**1. Tiểu ban nhân sự:**

1.1 Ông Dương Thanh Bình

1.2 Ông Nguyễn Nam Hải

1.3 Ông Nguyễn Văn Đại

2. Tiểu ban lương thưởng:

2.1 Ông Dương Thanh Bình

2.2 Ông Nguyễn Hanh Thông

2.3 Bà Trần Thị Xuân Phụng

3. Tiểu ban chính sách sách phát triển

3.1 Ông Bùi Chiến Thắng

3.2 Ông Cao Văn Tĩnh

3.3 Ông Triệu Thế Thuận

d. Hoạt động của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị hoạt động và thực thi nhiệm vụ theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty, các quy chế, quy định của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Trong năm 2015, Hội đồng quản trị họp định kỳ một lần/một quý, ngoài ra có những cuộc họp đột xuất hoặc xin ý kiến Hội đồng quản trị để chỉ đạo kịp thời công tác tổ chức quản lý sản xuất, đầu tư xây dựng cơ bản...Nội dung chính của các cuộc họp được nêu chi tiết trong Báo cáo quản trị năm 2015 của Công ty.

e. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT; Thực hiện quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ của mình theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Ban kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

a.1 Thành viên Ban kiểm soát: 03 thành viên

a.2 Cơ cấu Ban kiểm soát:

- Trưởng Ban kiểm soát: 01
- Thành viên Ban kiểm soát: 02

a.3 Danh sách thành viên Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát: Bà Trần Thị Thanh Hải

- Đại diện phần vốn của Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hải Phòng với 5% vốn điều lệ tương đương 2.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Thành viên Ban kiểm soát: Ông Cao Xuân Hợp

3. Thành viên Ban kiểm soát: Ông Vũ Hoàng Lâm

- Số cổ phần sở hữu cá nhân 7.600 cổ phần có quyền biểu quyết, tương đương 0,019% vốn điều lệ

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát hoạt động và thực thi nhiệm vụ theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty, các quy chế, quy định của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Trong năm 2015, ban kiểm soát đã tiến hành họp 2 lần (6 tháng đầu năm và cả năm 2015), đồng thời Trưởng ban kiểm soát được tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị Công ty. Do đó, việc nắm bắt thông tin, kiểm soát các hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và các hoạt động khác của Công ty được kịp thời.

Trong năm 2015, Ban kiểm soát đã tiến hành thực hiện giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và các kế hoạch đề ra của Công ty, cụ thể:

3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015, Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị. Trong năm 2015 Hội đồng quản trị Công ty cũng đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

Hội đồng quản trị luôn bám sát Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 đồng thời thực hiện tốt vai trò giám sát và hỗ trợ Ban Giám đốc, phối hợp giúp Ban Giám đốc chỉ đạo điều hành công tác sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao trong bối cảnh nền kinh tế thế giới và trong nước gặp nhiều khó khăn và thử thách.

Trong năm 2015 Hội đồng quản trị đã phê duyệt các Nghị quyết, quyết định các phương án đầu tư, quyết toán các dự án đầu tư và các vấn đề thuộc thẩm quyền theo Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty và Luật Doanh nghiệp.

4. Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015, Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị. Trong năm 2015 Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng đã thực hiện đầy đủ trách

nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan. Bám sát các quy chế, quy định của Công ty trong công tác điều hành, chỉ đạo sản xuất.

Báo cáo tài chính năm 2015 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

5. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

a. Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015: Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2015 được tính bằng 1% Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2015, Công ty đã chi thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2015 là 0,98% lợi nhuận sau thuế năm 2015.

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Dương Bảo Anh	Ông Dương Thanh Bình – Thành viên HĐQT Công ty	33.000	0,0825%	00	00%	Giải quyết việc gia đình

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Tuân thủ theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty, các quy chế, Nghị quyết khác của Công ty và các văn bản pháp luật liên quan hiện hành.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính năm 2015 được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		671.332.972.664	435.180.868.035
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	20.794.016.557	10.074.045.298
Tiền	111		20.794.016.557	10.074.045.298
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		538.000.000.000	336.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	538.000.000.000	336.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		100.612.423.348	69.165.924.348
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	57.644.522.216	64.837.300.640
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		36.187.188.000	1.158.745.800
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	6.780.713.132	4.847.470.168
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn	137		-	(1.677.592.260)
Hàng tồn kho	140		9.467.065.121	11.585.863.169
Hàng tồn kho	141	8	9.467.065.121	11.585.863.169
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.459.467.638	8.355.035.220
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	1.267.080.413	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.192.387.225	8.215.228.765
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10	-	139.806.455
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		443.944.873.264	541.840.404.310
Các khoản phải thu dài hạn	210		593.181.000	624.681.000
Phải thu dài hạn khác	216	7	593.181.000	624.681.000
Tài sản cố định	220		254.544.631.362	316.562.209.516
Tài sản cố định hữu hình	221	11	253.485.255.323	314.329.584.715
- Nguyên giá	222		912.027.013.536	894.738.226.486
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(658.541.758.213)	(580.408.641.771)
Tài sản cố định vô hình	227	12	1.059.376.039	2.232.624.801
- Nguyên giá	228		4.422.304.700	4.309.554.700
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.362.928.661)	(2.076.929.899)
Tài sản dở dang dài hạn	240		15.208.775.186	32.301.499.994
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	15.208.775.186	32.301.499.994
Đầu tư tài chính dài hạn	250		142.352.013.800	192.352.013.800
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	14	142.352.013.800	142.352.013.800
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5	-	50.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		31.246.271.916	-
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	31.246.271.916	-
TỔNG TÀI SẢN	270		1.115.277.845.928	977.021.272.345

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		176.106.567.291	173.911.182.095
Nợ ngắn hạn	310		115.844.592.291	83.071.749.845
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	19.486.293.841	16.018.455.040
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		110.927.850	328.482.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	9	6.180.594.900	5.054.411.081
Phải trả người lao động	314		20.923.120.755	21.129.950.461
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		194.186.964	264.789.941
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	3.130.460.754	3.098.328.385
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	35.358.480.000	33.590.556.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	17	26.000.000.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.460.527.227	3.586.776.937
Nợ dài hạn	330		60.261.975.000	90.839.432.250
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	60.261.975.000	90.839.432.250
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		939.171.278.637	803.110.090.250
Vốn chủ sở hữu	410	19	939.171.278.637	803.110.090.250
Vốn góp của chủ sở hữu	411		400.000.000.000	400.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		400.000.000.000	400.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		142.352.013.800	142.352.013.800
Quỹ đầu tư phát triển	418		164.645.326.145	71.220.944.025
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		232.173.938.692	189.537.132.425
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		31.084.580.305	21.435.000.000
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		201.089.358.387	168.102.132.425
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.115.277.845.928	977.021.272.345

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Chỉ tiêu	Mã Thuyết		Năm 2015	Năm 2014
	số	minh	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	652.048.118.390	541.988.239.924
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		652.048.118.390	541.988.239.924
Giá vốn hàng bán	11	21	344.330.669.795	305.320.787.817
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		307.717.448.595	236.667.452.107
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	47.712.175.101	36.376.919.225
Chi phí tài chính	22	23	10.375.429.431	9.176.628.845
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>4.510.187.232</i>	<i>6.768.972.341</i>
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		35.544.122.759	22.449.973.068
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		309.510.071.506	241.417.769.419
Thu nhập khác	31	24	1.041.740.908	1.348.105.487
Chi phí khác	32		-	263.660.105
Lợi nhuận khác	40		1.041.740.908	1.084.445.382
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		310.551.812.414	242.502.214.801
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	29.462.454.027	14.400.082.376
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		281.089.358.387	228.102.132.425
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	7.027	5.703
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	691.822.898.328	569.496.157.065
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(187.409.288.570)	(143.190.290.717)
Tiền chi trả cho người lao động	3	(102.642.936.959)	(75.271.764.889)
Tiền lãi vay đã trả	4	(4.580.790.209)	(6.932.926.554)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5	(28.418.809.568)	(12.683.610.500)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	3.330.318.235	7.902.160.763
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(21.159.923.471)	(23.441.117.638)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	350.941.467.786	315.878.607.530
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(57.073.205.246)	(53.025.298.033)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	307.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(729.000.000.000)	(306.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	577.000.000.000	148.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(18.311.812.500)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	43.032.988.986	31.464.132.824
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(166.040.216.260)	(197.565.977.709)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền trả nợ gốc vay	34	(34.382.800.180)	(38.378.972.931)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	(10.132.948.835)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(139.804.905.500)	(138.106.439.944)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(174.187.705.680)	(186.618.361.710)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	10.713.545.846	(68.305.731.889)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	10.074.045.298	78.379.709.130
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	6.425.413	68.057
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	20.794.016.557	10.074.045.298

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 990/QĐ/TGD ngày 11/11/2002 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về quyết định phê duyệt phương án đầu tư khai thác Cảng Đình Vũ. Giấy chứng nhận kinh doanh số 0200511481 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 14/01/2003 và sửa đổi lần thứ 6 ngày 21/04/2014.

Vốn điều lệ của Công ty là: 400.000.000.000 đồng, được chia thành 40.000.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Toàn bộ số cổ phần trên của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là DVP.

Trụ sở của Công ty đặt tại Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2015 là 430 người (tại ngày 31/12/2014 là 422 người).

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa; Kinh doanh kho bãi;
- Vận tải hàng hóa đa phương thức; Dịch vụ hàng hải;
- Dịch vụ kho vận, dịch vụ kho ngoại quan và dịch vụ hàng chuyển khẩu, quá cảnh.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Các dịch vụ công ty thực hiện trong năm phát sinh với chu kỳ ngắn theo các đơn hàng khách hàng đặt trước các công việc thực hiện và kết thúc thông thường từ 1 ngày đến 7 ngày.

1.4 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015, Công ty lần đầu tiên áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2014. Theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Công ty không thực hiện điều chỉnh hồi tố các ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán. Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng thể hiện sự thay đổi trong cách trình bày một số khoản mục trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Công ty đã trình bày và phân loại lại các số liệu so sánh cho phù hợp với cách trình bày mới.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư được gọi là có tính thanh khoản cao khi thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư

tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán hay các khó khăn tương tự. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý trong năm.

3.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 10
Máy móc, thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 06
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08

Công ty áp dụng tính và trích khấu hao tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian là 03 năm.

3.7 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, chi phí thuê đất, các chi phí phát sinh được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

3.9 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Công ty đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng phải trả của Công ty phản ánh các khoản Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa, Dự phòng bảo hành công trình xây dựng, Dự phòng trợ cấp thôi việc và Dự phòng phải trả khác.

3.10 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua, khách hàng chấp nhận thanh toán và xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch này. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy, Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về sản lượng dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính) và xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phần công việc đã thực sự hoàn thành trong kỳ.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi khoản phải thu.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

3.11 GHI NHẬN GIÁ VỐN

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

3.12 THUẾ

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 4477GCN/UB ngày 17/09/2004 của UBND thành phố Hải Phòng, Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ, Quyết định số 06/2008/QĐ-TT ngày 10/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 141/CT-TT&HT của Cục thuế Hải Phòng ngày 21/02/2011, Công ty được hưởng những chính sách ưu đãi thuế sau:

- Ưu đãi thuế suất thuế TNDN: Công ty được hưởng thuế suất thuế TNDN 10% trong thời hạn còn lại (đã hưởng ưu đãi thuế suất thuế TNDN 20% từ năm 2004 đến hết ngày 01/02/2008) kể từ ngày 02/02/2008 đến hết năm 2018 đối với thu nhập có được từ dự án đầu tư thực hiện tại địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.;

- Ưu đãi miễn, giảm thuế TNDN: Thu nhập từ hoạt động kinh doanh thuộc diện ưu đãi thuế suất thuế TNDN nêu trên được giảm 50% số thuế phải nộp trong thời gian còn lại (đã hưởng ưu đãi giảm thuế TNDN từ năm 2006 đến hết ngày 01/02/2008) kể từ ngày 02/02/2008 đến hết năm 2014.

Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.13 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Các khoản đầu tư bao gồm đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên doanh và Công ty liên kết; các khoản tiền gửi có kỳ hạn. Trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư được trích lập khi Ban Tổng Giám đốc cho rằng việc giảm giá không mang tính chất tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập.

3.14 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

3.15 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Theo đó, Bên liên quan của Công ty là các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, các công ty tham gia liên doanh và các công ty do các bên tham gia liên doanh đầu tư và chi phối. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 được trình bày tại các Thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	342.755.667	367.473.123
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.451.260.890	9.706.572.175
	20.794.016.557	10.074.045.298

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	538.000.000.000	538.000.000.000	336.000.000.000	336.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	538.000.000.000	538.000.000.000	336.000.000.000	336.000.000.000
Dài hạn	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000
	538.000.000.000	538.000.000.000	386.000.000.000	386.000.000.000

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	57.644.522.216	64.837.300.640
- MITSUI O.S.K. LINES LTD	8.547.115.276	-
- SITC CONTAINER LINES CO., LTD	21.650.419.425	19.766.829.429
- Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông	8.018.635.496	13.517.920.122
- Công ty TNHH KMTC	4.393.255.491	6.352.528.590
- Các khoản phải thu khách hàng khác	15.035.096.528	25.200.022.499
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
	57.644.522.216	64.837.300.640
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	151.996.962	328.393.143
- Công ty TNHH Tiếp Vận SITC - Đình Vũ	151.996.962	328.393.143
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	734.835.530	606.496.726
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	126.486.987	64.613.340

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	6.780.713.132	-	4.847.470.168	-
- Phải thu người lao động	102.207.069	-	64.162.900	-
- Phải thu khác	71.217.594	-	87.131.287	-
- Bảo hiểm xã hội	151.498.492	-	155.693.122	-
- Bảo hiểm y tế	2.545.532	-	14.427.304	-
- Dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	6.453.244.445	-	4.526.055.555	-
Dài hạn	593.181.000	-	624.681.000	-
- Phải thu người lao động	593.181.000	-	624.681.000	-
	7.373.894.132	-	5.472.151.168	-

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	926.198.466	-	11.396.959.265	-
Công cụ, dụng cụ	8.540.866.655	-	188.903.904	-
	9.467.065.121	-	11.585.863.169	-

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Ngắn hạn	1.267.080.413	-
- Chi phí mua bảo hiểm	370.265.261	-
- Công cụ dụng cụ phân bổ	823.481.818	-
- Các khoản khác	73.333.334	-
- Các khoản khác		-
Dài hạn	31.246.271.916	-
- Chi phí thuê đất KCN Minh Phương (*)	31.246.271.916	-
	32.513.352.329	-

(*) Chi phí thuê đất theo hợp đồng số 03/2013/HĐT-MP ngày 12/07/2013 và các phức lục điều chỉnh số 02,03 ngày 03/10/2013 về việc thuê lô đất CN 2.2: 39.587m² đất và 4.830m² đất mở rộng, được phân bổ trong vòng 43 năm (từ 01/01/2015 đến 30/06/2057) và giá trị tiền thuê đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hợp đồng số 27/2015/HĐTĐ-MP ngày 12/6/2015.

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	34.779.310	29.157.275.868	29.192.055.178	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.019.631.771	29.462.454.027	28.418.809.568	6.063.276.230
- Thuế thu nhập cá nhân	-	3.525.289.192	3.407.970.522	117.318.670
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	5.054.411.081	62.148.019.087	61.021.835.268	6.180.594.900
	01/01/2015	Số phải thu trong năm	Số đã thực thu trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế thu nhập cá nhân	139.806.455	-	139.806.455	-
	139.806.455	-	139.806.455	-

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2015	358.313.510.150	437.577.823.682	91.062.373.141	7.784.519.513	894.738.226.486
- Mua trong năm	-	-	4.131.818.186	4.716.465.727	8.848.283.913
- Đầu tư XDCB hoàn thành	9.532.571.356	-	-	-	9.532.571.356
- Thanh lý, nhượng bán	(1.092.068.219)	-	-	-	(1.092.068.219)
31/12/2015	366.754.013.287	437.577.823.682	95.194.191.327	12.500.985.240	912.027.013.536
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2015	(265.735.028.274)	(231.473.876.464)	(77.374.730.962)	(5.825.006.071)	(580.408.641.771)
- Khấu hao trong năm	(26.148.061.011)	(45.060.587.676)	(5.520.492.266)	(1.846.612.799)	(78.575.753.752)
- Thanh lý, nhượng bán	442.637.310	-	-	-	442.637.310
- Giảm khác	-	-	-	-	-
31/12/2015	(291.440.451.975)	(276.534.464.140)	(82.895.223.228)	(7.671.618.870)	(658.541.758.213)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2015	92.578.481.876	206.103.947.218	13.687.642.179	1.959.513.442	314.329.584.715
31/12/2015	75.313.561.312	161.043.359.542	12.298.968.099	4.829.366.370	253.485.255.323

Tại ngày 31/12/2015 nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 441.357.933.616 đồng

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2015	4.309.554.700	4.309.554.700
- Mua trong năm	112.750.000	112.750.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
31/12/2015	4.422.304.700	4.422.304.700
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2015	(2.076.929.899)	(2.076.929.899)
- Khấu hao trong năm	(1.285.998.762)	(1.285.998.762)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
31/12/2015	(3.362.928.661)	(3.362.928.661)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2015	2.232.624.801	2.232.624.801
31/12/2015	1.059.376.039	1.059.376.039

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Mua sắm	375.730.909	-
- Cần trục giàn RTG	368.930.909	-
- Xe đầu kéo và romooc	6.800.000	-
Xây dựng cơ bản	14.833.044.277	32.301.499.994
- Hợp đồng giữ bãi đất Minh Phương	-	28.138.636.364
- Công trình Nhà điều hành	11.864.211.818	1.569.311.818
- Công trình Nhà chờ công nhân	-	149.957.272
- Công trình điện - bãi Minh Phương	-	2.443.594.540
- Khung chụp Container 45T	12.941.550	-
- Nâng cấp hệ thống điện điều khiển cần trục	2.955.890.909	-
	15.208.775.186	32.301.499.994

14. ĐẦU TƯ VÀ CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết						
- Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	128.672.013.800	-	128.672.013.800	128.672.013.800	-	128.672.013.800
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	13.680.000.000	-	13.680.000.000	13.680.000.000	-	13.680.000.000
	142.352.013.800	-	142.352.013.800	142.352.013.800	-	142.352.013.800

(1) Theo hợp đồng liên doanh giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ và Công ty TNHH Vận tải Đường thủy Châu Á (SITC) ký tháng 7 năm 2010, hai bên đã thống nhất góp vốn thành lập Công ty Liên doanh đồng kiểm soát là Công ty TNHH Tiếp vận SITC – Đình Vũ. Vốn điều lệ của Công ty TNHH Tiếp vận SITC – Đình Vũ là 145.852.000.000 đồng, trong đó Công ty góp 74.384.520.000 đồng (tương đương 3.570.000 USD), chiếm 51% vốn điều lệ. Theo Nghị quyết số 11/SITC/NQ-HĐTV ngày 01/08/2013 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH về việc tăng vốn điều lệ để đầu tư mở rộng sản xuất với số vốn góp tăng thêm là 5.000.000 USD, trong đó Công ty góp 51% (tương đương 2.550.000 USD). Tính đến thời điểm 31/12/2015, Công ty đã góp 128.672.013.800 đồng (tương đương 6.120.000 USD), chiếm 51% vốn điều lệ.

Công ty TNHH Tiếp vận SITC – Đình Vũ đi vào hoạt động từ ngày 29/01/2011.

Hoạt động chính của Công ty TNHH Tiếp vận SITC – Đình Vũ là kinh doanh kho bãi, lưu giữ hàng hóa, bốc xếp hàng hóa, vận tải hàng hóa,...

(2) Theo biên bản góp vốn ngày 14/10/2011 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ, Công ty Cổ phần Vạn Xuân, Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ và các cổ đông khác quyết định thành lập Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ. Số vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ là 30.000.000.000 đồng; Công ty góp 13.680.000.000 đồng (chiếm 45,6% vốn điều lệ). Tại ngày 30/06/2015, Công ty và các cổ đông khác đã góp đủ vốn theo thỏa thuận.

Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ đi vào hoạt động từ ngày 17/12/2011.

Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ là kinh doanh kho bãi, lưu giữ hàng hóa, bốc xếp hàng hóa, vận tải hàng hóa,...

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	19.486.293.841	19.486.293.841	16.018.455.040	16.018.455.040
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Đình Vũ	2.935.911.000	2.935.911.000	-	-
- Công ty Cổ phần Dolphin	3.444.141.800	3.444.141.800	2.383.441.500	2.383.441.500
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	2.503.498.112	2.503.498.112	2.457.385.800	2.457.385.800
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Máy Sao Việt	2.645.500.000	2.645.500.000	-	-
- Công ty Cổ phần Vạn Xuân	1.529.694.100	1.529.694.100	2.166.753.060	2.166.753.060
- Công ty Cổ phần Xây dựng 203	-	-	3.199.802.000	3.199.802.000
- Các đối tượng khác	6.427.548.829	6.427.548.829	5.811.072.680	5.811.072.680
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
	19.486.293.841	19.486.293.841	16.018.455.040	16.018.455.040
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
d) Phải trả người bán là các bên liên quan	2.503.498.112	2.503.498.112	2.457.385.800	2.457.385.800
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	2.503.498.112	2.503.498.112	2.457.385.800	2.457.385.800
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	469.496.086	469.496.086	1.609.689.700	1.609.689.700

17. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định	16.000.000.000	-
- Dự phòng nợ vết bến cảng	10.000.000.000	-
b) Dài hạn	-	-
	26.000.000.000	-

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2015		Trong năm		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
		trả nợ				trả nợ
a) Vay ngắn hạn	35.358.480.000	35.358.480.000	38.051.994.230	36.284.070.230	33.590.556.000	33.590.556.000
- Hợp đồng tín dụng số HAP.DN.04250111/DH (1)	21.420.900.000	21.420.900.000	23.849.600.210	22.778.555.210	20.349.855.000	20.349.855.000
- Hợp đồng tín dụng số HAP.DN.02131012/DH (2)	13.937.580.000	13.937.580.000	14.202.394.020	13.505.515.020	13.240.701.000	13.240.701.000
b) Vay dài hạn	60.261.975.000	60.261.975.000	3.743.840.670	34.321.297.920	90.839.432.250	90.839.432.250
- Hợp đồng tín dụng số HAP.DN.04250111/DH (1)	42.840.000.000	42.840.000.000	2.584.698.600	20.792.553.600	61.047.855.000	61.047.855.000
- Hợp đồng tín dụng số HAP.DN.02131012/DH (2)	17.421.975.000	17.421.975.000	1.159.142.070	13.528.744.320	29.791.577.250	29.791.577.250
	95.620.455.000	95.620.455.000	41.795.834.900	70.605.368.150	124.429.988.250	124.429.988.250

(1) Hợp đồng tín dụng dài hạn số HAP.DN.04250111/DH ký ngày 17/02/2011 giữa Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Hải Phòng và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ.

Hạn mức vay: 6.577.200 USD ; Thời hạn vay: Từ ngày 10/05/2011 đến ngày 10/11/2018.

Mục đích vay: Đầu tư mua sắm 02 cần cầu trục giàn QC theo hợp đồng số 03/DVP/AD/2010 ký ngày 02/06/2010 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ và Công ty Kranunion.

Lãi suất được quy định trong từng khế ước nhận nợ. Lãi suất cho vay quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Trả gốc và lãi: Nợ gốc được trả hàng quý, lãi vay được trả hàng tháng.

Tài sản đảm bảo là 02 cần trục giàn QC (Quayside Gantry Crane), Model: FS 50t x 35/20/16, hãng chế tạo: KIROW ARDELTA AG theo Hợp đồng số 03/DVP/AD/2010 ký ngày 02/06/2010 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ và Công ty Kranunion (Kirow Ardelta/Kocks Krane) C/O Kirow Ardelta AG. Tổng trị giá tài sản: 9.396.000 USD.

(2) Hợp đồng tín dụng dài hạn số HAP.DN.02131012/DH ký ngày 10/01/2013 giữa Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Hải Phòng và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ.

Hạn mức vay: 75.852.000.000 VND (hoặc 3.528.000 USD tương đương);
Thời hạn vay: Từ ngày 18/07/2013 đến ngày 18/01/2018

Mục đích vay: Đầu tư mua sắm 04 cầu RTG loại khung nâng di động bằng bánh lốp chuyên dụng để nâng chuyển container theo hợp đồng mua bán số 01/CDV/UNICO-CARGOTEC/2012, giữa Công ty Cổ phần đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ với Liên danh UNICO-CARGOTEC ngày 22/05/2012

Lãi suất được quy định trong từng khế ước nhận nợ. Lãi suất cho vay quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Trả gốc và lãi: Nợ gốc được trả hàng quý, lãi vay được trả hàng tháng.

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tài sản đảm bảo là 04 cầu RTG – loại khung nâng di động bằng bánh lốp chuyên dùng để nâng chuyển container theo hợp đồng mua bán số 01/CDV/UNICO-CARGOTEC/2012 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ với Liên danh UNICO-CARGOTEC (gồm Cargotec Belgium NV và Unico Handels GmbH) ngày 22/05/2012. Tổng giá trị tài sản 5.040.000 USD.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính (*)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (**)	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2014	400.000.000.000	124.040.201.300	1.642.712.500	43.992.923.325	149.832.120.700	719.507.957.825
- Lãi trong năm	-	-	-	-	228.102.132.425	228.102.132.425
- Phân phối lợi nhuận	-	-	43.897.120.700	-	(128.397.120.700)	(84.500.000.000)
- Tạm ứng cổ tức	-	-	-	-	(60.000.000.000)	(60.000.000.000)
- Đầu tư ra ngoài	-	18.311.812.500	(18.311.812.500)	-	-	-
31/12/2014	400.000.000.000	142.352.013.800	27.228.020.700	43.992.923.325	189.537.132.425	803.110.090.250
01/01/2015	400.000.000.000	142.352.013.800	71.220.944.025	-	189.537.132.425	803.110.090.250
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	281.089.358.387	281.089.358.387
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(238.452.552.120)	(238.452.552.120)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	93.452.552.120	-	(93.452.552.120)	-
Trích quỹ khen thưởng	-	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(140.000.000.000)	(140.000.000.000)
Giảm khác	-	-	(28.170.000)	-	-	(28.170.000)
31/12/2015	400.000.000.000	142.352.013.800	164.645.326.145	-	232.173.938.692	939.171.278.637

(*) Theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014, không còn khoản mục Quỹ dự phòng tài chính trên Bảng Cân đối kế toán. Công ty phân loại số dư Quỹ Dự phòng tài chính lại ngày 01/01/2015 vào Quỹ Đầu tư Phát triển.

(**) Điều chỉnh hồi tố theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước ngày 27/04/2015 dẫn đến lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2013 tăng 935.000.000 đồng và lợi nhuận sau thuế của năm 2014 tăng 149.0580.305 đồng so với số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Vaco.

19.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	204.000.000.000	204.000.000.000
- Công ty Cổ phần Vật tư Nông sản	74.800.000.000	74.800.000.000
- HALLEY SICAV-HALLEY ASIAN PROSPERITY	20.626.300.000	20.626.300.000
- ERIKOISSIJOITUSRAHASTO ELITE (MUTUAL FUND ELITE (NON-UCITS))	19.580.000.000	19.580.000.000
- Các cổ đông khác	80.993.700.000	80.993.700.000
	400.000.000.000	400.000.000.000

19.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	400.000.000.000	400.000.000.000
+ Vốn góp đầu năm	400.000.000.000	400.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	400.000.000.000	400.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	238.452.552.120	187.462.120.700

19.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2015 CP	01/01/2015 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.000.000	40.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	40.000.000	40.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	40.000.000	40.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.000.000	40.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	40.000.000	40.000.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

19.5 CÁC QUỸ

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Quỹ đầu tư phát triển	164.645.326.145	71.220.944.025
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	142.352.013.800	142.352.013.800

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	652.048.118.390	541.988.239.924
	652.048.118.390	541.988.239.924
b) Doanh thu với các bên liên quan	13.538.211.465	10.035.218.401
Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	2.920.052.336	4.075.917.371
Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	9.939.052.336	5.900.561.630
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	679.106.793	58.739.400

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	344.330.669.795	305.320.787.817
	344.330.669.795	305.320.787.817

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	25.918.561.840	21.313.552.868
Cổ tức, lợi nhuận được chia	19.003.222.553	12.579.888.475
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.767.716.917	1.594.163.687
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	22.673.791	889.314.195
	47.712.175.101	36.376.919.225

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	4.510.187.232	6.768.972.341
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.830.273.539	2.407.656.504
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	34.968.660	-
	10.375.429.431	9.176.628.845

24. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Các khoản thu nhập khác	1.041.740.908	1.348.105.487
	1.041.740.908	1.348.105.487

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	310.551.812.414	242.502.214.801
Các khoản chi phí không được khấu trừ	3.098.624.205	1.537.003.999
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	34.968.660	-
- Chi phí không hợp lý	3.063.655.545	1.537.003.999
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	19.025.896.344	12.579.888.475
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	22.673.791	-
- Cổ tức đã nhận được	19.003.222.553	12.579.888.475
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	335.797.630.959	231.459.330.325
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính	294.624.540.275	214.895.824.491
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	-	16.563.505.834
- Thuế suất ưu đãi hoạt động kinh doanh chính	10%	10%
- Thuế suất hoạt động kinh doanh khác	22%	22%
Thuế TNDN phải trả ước tính	29.462.454.027	25.133.553.733
- Thuế TNDN mức thuế suất 10%	29.462.454.027	21.489.582.449
- Thuế TNDN được miễn giảm với hoạt động kinh doanh chính (giảm 50%)	-	(10.733.471.357)
- Thuế TNDN mức thuế suất 22%	-	3.643.971.283
Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.462.454.027	14.400.082.376

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) (*)	281.089.358.387	228.102.132.425
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	40.000.000	40.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	7.027	5.703
	Năm 2015	Năm 2014
	CP	CP
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	40.000.000	40.000.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong năm	-	-
Tổng số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	40.000.000	40.000.000

(*) Lợi nhuận sau thuế dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu chưa loại trừ số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2015 do Công ty tiến hành phân phối lợi nhuận sau thời điểm phát hành báo cáo này

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu	27.651.737.119	30.543.056.613
Chi phí nhân công	94.216.103.023	79.555.992.153
Khấu hao tài sản cố định	76.263.504.104	102.092.862.518
Chi phí dịch vụ mua ngoài	89.807.501.030	71.468.975.111
Chi phí bằng tiền khác	56.391.824.519	21.659.901.422
	344.330.669.795	305.320.787.817

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông Công ty bao gồm vốn góp, quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 3.14.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.794.016.557	10.074.045.298
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	538.000.000.000	386.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	64.251.810.685	68.572.981.688
Đầu tư dài hạn	142.352.013.800	142.352.013.800
Cộng	765.397.841.042	606.999.040.786
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	95.620.455.000	124.429.988.250
Phải trả người bán và phải trả khác	22.510.768.091	19.116.783.425
Chi phí phải trả	194.186.964	264.789.941
Dự phòng phải trả	26.000.000.000	-
Cộng	144.325.410.055	143.811.561.616
Trạng thái ròng	621.072.430.987	463.187.479.170

Tại ngày 31/12/2015 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của Tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với Công cụ tài chính cũng như các qui định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư số 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lí rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và rủi ro về giá khác như giá cổ phần. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi (nếu có).

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2015			
Vay và nợ ngắn hạn	35.358.480.000	60.261.975.000	95.620.455.000
Phải trả người bán và phải trả khác	22.510.768.091	-	22.510.768.091
Chi phí phải trả	194.186.964	-	194.186.964
Dự phòng phải trả	26.000.000.000	-	26.000.000.000
Cộng	84.063.435.055	60.261.975.000	144.325.410.055
01/01/2015			
Vay và nợ ngắn hạn	33.590.556.000	90.839.432.250	124.429.988.250
Phải trả người bán và phải trả khác	19.116.783.425	-	19.116.783.425
Chi phí phải trả	264.789.941	-	264.789.941
Cộng	52.972.129.366	90.839.432.250	143.811.561.616

Quản lý rủi ro tín dụng

- Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty quản lý rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn và các công cụ tài chính khác. Các khoản tiền gửi ngân hàng được quản lý tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Đối với các khoản đầu tư, Công ty lựa chọn đầu tư vào các chứng khoán có tính thanh khoản và với các đối tác có độ tín nhiệm cao. Đối với các khoản phải thu, Ban Tổng Giám đốc thiết lập chính sách tín dụng cụ thể thông qua việc phân tích tín nhiệm với các khách hàng để xác định các điều khoản thanh toán trong hợp đồng. Công ty đánh giá rủi ro tín dụng là thấp.

- Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi (nếu có).

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.794.016.557	-	20.794.016.557
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	538.000.000.000	-	538.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	64.251.810.685	-	64.251.810.685
Đầu tư dài hạn	-	142.352.013.800	142.352.013.800
Cộng	623.045.827.242	142.352.013.800	765.397.841.042

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

29. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty chỉ thực hiện kinh doanh và theo dõi theo một bộ phận duy nhất là: Kinh doanh dịch vụ cảng.

Chỉ tiêu	Kinh doanh dịch vụ cảng VND	Tổng Cộng VND
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	652.048.118.390	652.048.118.390
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Tổng doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	652.048.118.390	652.048.118.390
Chi phí bộ phận	(344.330.669.795)	(344.330.669.795)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	307.717.448.595	307.717.448.595
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	307.717.448.595	307.717.448.595
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	(35.544.122.759)	(35.544.122.759)
Doanh thu hoạt động tài chính	47.712.175.101	47.712.175.101
Chi phí tài chính	(10.375.429.431)	(10.375.429.431)
Thu nhập khác	1.041.740.908	1.041.740.908
Chi phí khác	-	-
Chi phí thuế Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(29.462.454.027)	(29.462.454.027)
Lợi nhuận sau Thuế thu nhập doanh nghiệp	281.089.358.387	281.089.358.387

30. THÔNG TIN KHÁC

30.1 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2015	01/01/2015
Ngoại tệ các loại	23.416,92	238,61
USD	23.416,92	238,61
EURO	5,14	-

30.2 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tiền trả gốc vay theo kế ước thông thường	34.382.800.180	48.511.921.766
Cộng	34.382.800.180	48.511.921.766

30.3 HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Công ty có các khoản tiền thuê đất theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng số 03/HĐTĐ ngày 09/01/2006, UBND thành phố Hải Phòng cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ thuê khu đất có diện tích 221.415 m² tại phường Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng trong 40 năm kể từ ngày 19/08/2002 đến ngày 19/08/2042. Căn cứ Quyết định số 4120/QĐ-CT của Cục Thuế thành phố Hải Phòng ngày 03 tháng 12 năm 2014, Công ty được miễn tiền thuê đất của lô đất trên trong 15 năm từ tháng 03 năm 2005 đến hết tháng 02 năm 2020.

- Hợp đồng số 09/HĐTĐ – 2010 ngày 12/08/2010 giữa Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Phà Rừng và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ, Công ty được thuê diện tích đất 39.600 m² trong cụm công nghiệp Vinashin Đình Vũ. Tổng tiền thuê là 31.680.000.000 đồng. Thời hạn thuê đến hết ngày 31/07/2057.

- Ngày 09/12/2011 Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Phà Rừng, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ, Công ty Cổ phần Bất động sản Minh Phương đã thực hiện ký kết biên bản thỏa thuận 3 bên. Theo đó, Công ty Cổ phần Bất động sản Minh Phương có trách nhiệm kế thừa quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Phà Rừng đối với Công ty theo hợp đồng 09/HĐTĐ – 2010.

- Hợp đồng giữ đất số 01/2012/HĐGD-MP ký ngày 12/10/2012 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ và Công ty Cổ phần Bất động sản Minh Phương. Theo hợp đồng, các bên có trách nhiệm thừa kế quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng số 09/HĐTĐ – 2010 ngày 12/08/2010. Cụ thể, Công ty Cổ phần Bất động sản Minh Phương sẽ bàn giao mặt bằng, cung cấp các tiện ích sử dụng trong khu công nghiệp (cung cấp điểm nối điện, nước sinh hoạt, nước thải, đường giao thông, hệ thống phòng cháy chữa cháy) cho Công ty và phối hợp hoàn thiện hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty.

- Hợp đồng thuê đất số 27/2015/HĐTĐ-MP ký ngày 12/06/2015 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Minh Phương và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ. Theo hợp đồng Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ được thuê diện tích đất là 44.417 m² với thời gian thuê tính từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2057. Tổng giá trị tiền thuê cho toàn bộ thời gian thuê là

35.292.100.000 đồng (Đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 10%), với đơn giá thuê đất như sau: Đơn giá thuê diện tích 39.587 m² là 800.000 đồng/ m² và đơn giá thuê diện tích 4.830 m² là 750.000 đồng/ m² (Hai đơn giá nêu trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 10%).

30.5 GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

a) Mua hàng từ bên liên quan

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Mua hàng từ bên liên quan	36.064.048.559	26.068.697.046
- Công ty TNHH Tiếp Vận SITC - Đình Vũ	40.243.500	-
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	31.039.853.205	22.059.192.779
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	4.983.951.854	4.009.504.267

b) Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	3.725.984.972	2.862.630.868
Tiền lương, thưởng	3.725.984.972	2.862.630.868

30.6 SỐ LIỆU SO SÁNH

- Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Vaco. Trong năm Công ty đã tiến hành điều chỉnh hồi tố ghi tăng nguyên giá và hao mòn của tài sản cố định xe ô tô Mercedes, ghi tăng doanh thu và thuế giá trị gia tăng đồng thời ghi tăng khoản phải thu khách hàng tương ứng theo biên bản của Kiểm toán Nhà nước ngày 27/04/2015 dẫn đến tăng thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2014. Theo đó một số chỉ tiêu được điều chỉnh lại như sau:

CÁC CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Số sau điều chỉnh VND	Số trước điều chỉnh VND	Số điều chỉnh Tăng(+)/ Giảm(-) VND
TÀI SẢN			1.151.063.564
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	64.837.300.640	64.454.728.230	382.572.410
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình	894.738.226.486	893.803.226.486	935.000.000
Giá trị hao mòn tài sản cố định hữu hình	(580.408.641.771)	(580.242.132.925)	(166.508.846)
NGUỒN VỐN			1.151.063.564
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.054.411.081	4.987.927.822	66.483.259
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	189.537.132.425	188.452.552.120	1.084.580.305

CÁC CHỈ TIÊU TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	Số sau điều chỉnh VND	Số trước điều chỉnh VND	Số điều chỉnh Tăng(+)/ Giảm(-) VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	541.988.239.924	541.640.446.824	347.793.100
Chi phí quản lý doanh nghiệp	22.449.973.068	22.283.464.222	166.508.846
Chi phí thuế TNDN hiện hành	14.400.082.376	14.368.378.427	31.703.949
Lợi nhuận sau thuế TNDN	228.102.132.425	227.952.552.120	149.580.305

(*) Trong đó, ảnh hưởng do điều chỉnh lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm 2013 là 935.000.000 đồng và năm 2014 là 149.580.305 đồng.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Hồng